

## NGHĨA HƯNG

Tiêu chí: A1, A4i &amp; A4iii

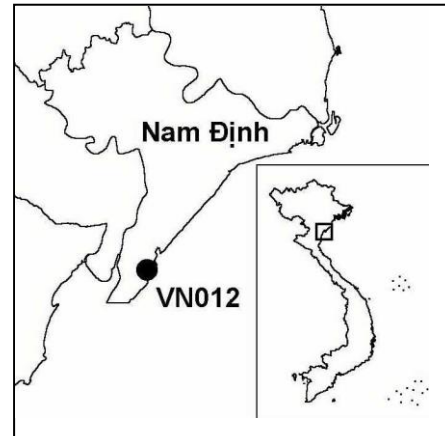
**Tỉnh:** Nam Định  
**Tình trạng bảo vệ:** Không  
**Vĩ độ:** 19°58'N  
**Kinh độ:** 106°10'E  
**Diện tích:** 7,600 ha  
**Độ cao:** 0-2 m so với mặt biển

**VCDH / PVCĐH:**

Không

**Cảnh quan ưu tiên:**

Không

**Mô tả chung**

VCQT Nghĩa Hưng nằm ở phía nam vùng đồng bằng Bắc Bộ bao gồm 12 km đường bờ biển, từ cửa sông Đáy đến cửa sông Ninh Cơ. Vùng xung quanh cửa Ninh Cơ, sinh cảnh chính là các đầm nước mặn, các bãi và cồn cát, một số nơi đã bị trồng rừng bằng một loài nhập ngoại là phi lao *Casuarina equisetifolia*. Về phía tây của cửa Ninh Cơ, vùng ven biển chủ yếu là các ao nuôi trồng thủy sản, một số ao vẫn còn có những đám sậy *Phragmites* mọc. Tại phía cửa Đáy là một vùng bãi bồi gian triều rộng lớn nhô hẳn ra biển. Phía gần đất liền của các bãi bồi này, rừng ngập mặn mới được trồng lại, các vùng bãi bồi cũng đã bị cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản. VCQT này còn bao gồm hai đảo cát nhỏ nằm tách hẳn bờ khoảng 5 km<sup>1</sup>.

**Khu hệ chim: Những nét chính**

Nghĩa Hưng là một điểm dừng chân và vùng trú đông quan trọng của nhiều loài chim ven biển. Mỗi năm, khu vực này có một số lượng lớn các loài chim ven biển và các loài chim nước khác đến trú đông. Vào tháng Tư năm 1994, ước tính có đến 30.000 con chim ven biển đến trú chân tại đây<sup>1</sup>. Một điểm dừng chân của chim ven biển là hòn đảo phía nam của khu vực đã có số đếm cao nhất là 1.774 cá thể trong tháng Năm năm 1996<sup>1</sup>. Các chuyến khảo sát từ trước đến nay đã ghi nhận chín loài chim đang hoặc gần bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu có mặt tại khu vực, trong số đó có hai loài ở mức Nguy cấp là Choắt lớn mỏ vàng *Tringa guttifer* và Cò thìa mặt đen *Platalea minor*. Ngoài ra, đây còn là nơi đều đặn có hơn 1% tổng số quần thể châu Á của các loài Choắt chân đỏ *T. erythropus* và Choi chơi Mông Cổ *Charadrius mongolus*. Ngoài ra, các đảo ngoài khơi ở Nghĩa Hưng còn rất quan trọng đối với các loài chim di cư không thuộc nhóm chim nước.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Choắt lớn mỏ vàng <i>Tringa guttifer</i>	A1	EN	3	Hai cá thể được ghi nhận vào tháng Tư năm 1994 <sup>2</sup> . Năm cá thể được ghi nhận vào tháng 5/1996 <sup>1</sup> .
Cò thìa mặt đen <i>Platalea minor</i>	A1, A4i	EN	8	Vài lần ghi nhận được loài này tại Nghĩa Hưng với số đếm cao nhất là 28 cá thể năm 1993, 41 năm 1994, 10 năm 1995, 16 năm 1996 và 12 cá thể năm 1997 <sup>2,3</sup> .
Rẽ mỏ thìa <i>Eurynorhynchus pygmeus</i>	A1	VU	3	Trong tháng 4/1994, đã có vài lần quan sát được loài này với số đếm cao nhất là 7 cá thể <sup>2</sup> .

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Mòng bể mỏ ngắn <i>Larus saundersi</i>	A1, A4i	VU	5	Có ghi nhận về loài này trong những năm gần đây, số đếm cao nhất là 260 cá thể năm 1994, 120 năm 1995, 17 năm 1997 và 18 cá thể năm 2001. Các ghi nhận này đều từ tháng Giêng đến tháng Ba <sup>2,4</sup> .
Cò trắng Trung Quốc <i>Egretta eulophotes</i>	A1	VU	6	Quan sát được ba cá thể vào tháng 3/1993 <sup>3</sup> . Vài lần quan sát được loài này vào tháng 3-5/1994, nhiều nhất là hai cá thể <sup>2</sup> .
Bồ nông chân xám <i>Pelecanus philippensis</i>	A1	VU	6	Bốn cá thể được quan sát vào tháng Sáu 1994 <sup>2</sup> .
Choát chân màng lớn <i>Limnodromus semipalmatus</i>	A1	NT	5	Loài này đã nhiều lần được quan sát trong thời gian từ tháng 4-6/1994, số đếm tối đa là tám cá thể <sup>2</sup> .
†Quắm đầu đen <i>Threskiornis melanocephalus</i>	A1	NT	8	Một con non được quan sát vào tháng 2/1994 <sup>2</sup> . Khu vực có lẽ không một quần thể đáng kể của loài này.
†Thiên đường đuôi đen <i>Terpsiphone atrocaudata</i>	A1	NT	1	Một con trống được quan sát khi đang đậu trên hòn đảo nhỏ vào tháng Tư 1994 <sup>2</sup> . Khu vực có lẽ không có một quần thể đáng kể của loài này.
Choát chân đỏ <i>Tringa erythropus</i>	A4i		2	Đã đếm được 750 và 640 cá thể lần lượt vào tháng 4/1994 và tháng 5/1996 <sup>1,2</sup> .
Choi chơi Mông Cổ <i>Charadrius mongolus</i>	A4i		0	Đếm được 2.000 cá thể vào tháng 4/1994 <sup>4</sup> .

Ghi chú: † = không khẳng định có phân bố với số lượng lớn.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này không đáp ứng tiêu chí A3. Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### **Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn**

Không có loài quan trọng về mặt bảo tồn nào khác được ghi nhận tại khu vực.

### **Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học**

Các mối đe dọa chính đối với Nghĩa Hưng là săn bắn, nhiễu loạn và mất sinh cảnh. Săn bắn thể hiện là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với khu vực. Vào tháng Hai 1996, đã quan sát được đến 20 km lưới giăng ở các vùng gian triều trong khu vực. Thợ săn còn sử dụng súng hơi và súng săn. Bị tập trung săn bắn nhiều nhất là các loài vịt và ngỗng để bán đi Trung Quốc. Mặc dù đã có những chỉ thị cấm săn bắn trong vùng, mức độ săn bắn vẫn giữ ở mức rất cao do các cộng đồng địa phương có cuộc sống phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và người dân cũng không thực sự hiểu tại sao lại có chỉ thị cấm săn bắn, và còn do chính quyền các cấp không thực hiện việc cấm này một cách triệt để.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Trồng rừng	• • •
Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản	• •
Nhiều loạn đối với các loài chim	• •
Săn bắn	• • •

Ngoài việc săn bắn chim bằng các loại súng, sự nhiễu loạn đối với các loài chim do người dân đi khai thác các loài nhuyễn thể cũng là một mối đe dọa. Trong một điều tra năm 1996, đã quan sát được khoảng 1.000 người tham gia vào các hoạt động này trên các bãi gian triều. Một mối đe dọa nữa đối

với tính đa dạng sinh học của khu vực là việc mất sinh cảnh ở nhiều hình thức, ví dụ các vùng rừng ngập mặn bị cô lập vào bên trong các ao nuôi trồng thủy sản, và nguy hiểm hơn là việc trồng rừng ngập mặn lên các bãi bùn gian triều mới được hình thành. Các mối đe dọa này đều xuất phát từ nguyên nhân là chính quyền huyện thiếu hiểu biết cũng như quan tâm đến giá trị bảo tồn đa dạng sinh học của các bãi bồi và rừng ngập mặn tự nhiên<sup>1,2</sup>.

### **Các hoạt động bảo tồn**

- Hiện chưa có gì.

### **Kiến nghị**

- Nghĩa Hưng đáp ứng các tiêu chí để công nhận là một vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế theo Công ước Ramsar và do đó, cần được đề xuất để thành lập một khu Ramsar<sup>1</sup>.
- Cần xây dựng một kế hoạch quản lý cho toàn bộ vùng ven biển của huyện Nghĩa Hưng nhằm đảm bảo xúc tiến khai thác và sử dụng bền vững các tài nguyên nước, và cân nhắc đến tầm quan trọng là bãi trú chân và kiếm ăn của các loài chim ven biển di cư<sup>1</sup>.
- Cần tiến hành nâng cao năng lực về kỹ thuật và quản lý của cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện.
- Cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc săn bắn ở vùng ven biển huyện Nghĩa Hưng.
- Các hoạt động nâng cao nhận thức cần được tiến hành với đối tượng là tất cả các bên liên quan trong vùng để thúc đẩy hiểu biết và nhận thức về giá trị của các loài chim ven biển di cư, của rừng ngập mặn tự nhiên và các bãi bồi gian triều.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) *The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta*. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.
2. Pedersen, A., Nielsen, S., Le Dinh Thuy and Le Trong Trai (1998) *The status and conservation of threatened and near-threatened species of birds in the Red River Delta, Vietnam*. Bird Conservation International 8: 31-51.
3. Birdlife International (2001) *Threatened birds of Asia: the Birdlife International red data book*. Cambridge, UK: Birdlife International.
4. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.



Choắt lớn mỏ vàng *Tringa guttifer*

## XUÂN THỦY

Tiêu chí: A1, A4i &amp; A4iii

**Tỉnh:** Nam Định  
**Tình trạng bảo vệ:** Khu Bảo tồn Thiên nhiên

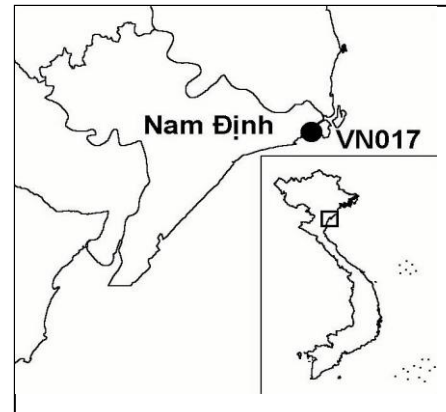
**Vĩ độ:** 20°17'N  
**Kinh độ:** 106°23'E  
**Diện tích:** 12.000 ha  
**Độ cao:** 0-3 m so với mặt biển

**VCĐH / PVCĐH:**

Không

**Cảnh quan ưu tiên:**

Không

**Mô tả chung**

VCQT này là toàn bộ Khu Ramsar Xuân Thủy nằm ở vùng ven biển của đồng bằng Bắc Bộ về phía nam của cửa sông Hồng. Do ở vị trí này, tốc độ bồi lắng phù sa tại khu vực rất cao hình thành nên các bãi gian triều rộng lớn cung cấp các sinh cảnh quan trọng cho các loài chim nước di cư. Ngoài các bãi bồi gian triều, khu vực này có ba đảo lớn là Cồn Ngạn, Cồn Lu và Cồn Xanh. Cồn Ngạn, hòn đảo lớn nhất là nơi có các vùng rừng ngập mặn rộng lớn hiện đã bị quây vào trong các ao nuôi trồng thủy sản. Cồn Lu, là một đảo cát lớn nơi có các đầm nước mặn ven biển, nhiều diện tích trên đảo đã bị trồng rừng bằng cây phi lao *Casuarina equisetifolia*, một loài ngoại lai. Cồn Xanh, hòn đảo nhỏ nhất, là một đảo cát hẹp hiện vẫn đang tiếp tục lớn lên do phù sa bồi tụ.

**Khu hệ chim: Những nét chính**

VCQT này là nơi dừng chân và trú đông quan trọng nhất đối với các loài chim nước di cư ở vùng ven biển đồng bằng Bắc Bộ. Trong các chuyến điều tra vào năm 1988 và 1994, hơn 20.000 con chim nước đã được quan sát<sup>1,2</sup>. Trong mùa xuân năm 1996, ước tính có đến 33.000 con chim ven biển đã qua khu vực này<sup>3</sup>. Xuân Thủy là nơi thường xuyên tập trung một số lượng lớn hơn ngưỡng 1% quần thể địa lý của các loài chim nước di cư tương đối phổ biến như Choắt mỏ thẳng đuôi đen *Limosa limosa*, Choắt chân đỏ *Tringa erythropus* và Choắt mỏ cong lớn *Numenius arquata*. Ngoài ra, VCQT này còn là nơi có một số lượng rất đáng kể so với các vùng khác trong cả nước của các loài Mòng bẻ Heulin *Larus heuglini* và Mòng bẻ đầu đen *L. ridibundus*. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý nhất của Xuân Thủy là cung cấp điểm dừng chân và trú đông thường xuyên cho một số lượng lớn các loài chim bị đe dọa hoặc gần bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu. Xuân Thủy là nơi có số lượng quần thể trú đông cao nhất của loài Cò thìa mặt đen *Platalea minor* tại Việt Nam với khoảng 50 cá thể mỗi năm. Ngoài ra, nơi đây còn có những quần thể trú đông đáng kể của các loài Mòng bẻ mỏ ngắn *Larus saundersi*, Choắt lớn mỏ vàng *Tringa guttifer* và Choắt mỏ thìa *Eurynorhynchus pygmeus*. Cuối cùng phải kể đến hơn 1% số lượng quần thể trong vùng địa sinh học của loài Choắt chân màng lớn *Limnodromus semipalmatus* thường xuyên dừng chân tại vùng này trên đường di cư. Cuối cùng, Xuân Thủy là điểm quan trọng đối với nhiều loài chim di cư không phải chim nước với số lượng lớn các loài bộ sẻ, cu-cu và các loài khác dừng chân trong mùa di cư xuân và thu.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Choắt lớn mỏ vàng <i>Tringa guttifer</i>	A1, A4i	EN	3	Thường xuyên trú đông với số lượng nhỏ, số đếm cao nhất là từng năm là 5 cá thể vào mùa đông 1993/1994, 2 mùa 1994/1995, 14 mùa 1995/1996, 6 mùa 1996/1997, 28 mùa 1997/1998, 3 mùa 1998/1999 và 10 mùa 1999/2000 <sup>2,3,4,5</sup> .
Cò thìa mặt đen <i>Platalea minor</i>	A1, A4i	EN	8	Đây là loài trú đông thường xuyên với số đếm cao nhất từng năm là 25 cá thể vào mùa đông 1993/1994, 34 mùa 1994/1995, 75 mùa 1995/1996, 42 mùa 1996/1997, 30 mùa 1997/1998, 20 mùa 1998/1999, 55 mùa 1999/2000, 47 mùa 2000/2001 và 65 mùa 2001/2002 <sup>2,3,5</sup> .
†Vịt đầu đen <i>Aythya baeri</i>	A1	VU	0	Đây là loài trú đông tương đối hiếm gặp ở khu vực. Ghi nhận duy nhất gần đây là một đàn 6 cá thể vào tháng 12/1996 <sup>5</sup> và một cá thể được quan sát vào tháng 12/2001 <sup>6</sup> . Khu vực này không có vẻ là nơi có một quần thể đáng kể của loài.
Rẽ mỏ thìa <i>Eurynorhynchus pygmeus</i>	A1	VU	3	Thường xuyên trú đông với số lượng nhỏ, số đếm cao nhất là từng năm là 2 cá thể vào mùa đông 1993/1994, 1 mùa 1994/1995, 15 mùa 1995/1996, 27 mùa 1996/1997, 10 mùa 1997/1998, 6 mùa 1998/1999, 4 mùa 1999/2000, 2 mùa 2000/2001 và 6 mùa 2001/2002 <sup>2,3,5</sup> .
Mòng bể mỏ ngắn <i>Larus saundersi</i>	A1, A4i	VU	5	Đây là loài trú đông thường xuyên, số đếm cao nhất từng năm là 30 cá thể vào mùa đông 1993/1994, 28 mùa 1994/1995, hơn 100 mùa 1995/1996, 77 mùa 1996/1997, 12 mùa 1996/1997, 34 mùa 1997/1998, 30 mùa 1998/1999, 50 mùa 1999/2000 và 3 mùa 2001/2002 <sup>2,3,5</sup> . Tuy nhiên, số đếm cao nhất từ trước đến nay là khoảng 200 cá thể vào tháng 3/1988 <sup>1</sup> .
Cò trắng Trung Quốc <i>Egretta eulophotes</i>	A1	VU	6	Rất hiếm gặp và chỉ dừng chân trên đường di cư, quan sát được một vài cá thể mỗi năm <sup>5</sup> . Chỉ có một ghi nhận loài này ở tình trạng trú đông là hai cá thể vào tháng 12/2001 <sup>6</sup> .
Bồ nông chân xám <i>Pelecanus philippensis</i>	A1	VU	6	Hầu như năm nào cũng có ghi nhận với số đếm được cao nhất đến nay là 5 cá thể vào tháng 8/1994 <sup>2</sup> .
†Đuôi cụt bụng đỏ <i>Pitta nympha</i>	A1, A3	VU	2	Loài di cư rất hiếm gặp, mới chỉ có một ghi nhận duy nhất vào tháng 12/1999 <sup>5</sup> . Khu vực này không có vẻ là nơi có một quần thể đáng kể của loài.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
†Chích đầu nhọn Mãn Châu <i>Acrocephalus tangorum</i>	A1	VU	0	Loài di cư rất hiếm gặp. Đến nay, mới chỉ có hai ghi nhận được khẳng định là hai cá thể vào tháng 10/1997 và một cá thể vào tháng 10/2000 <sup>5,6</sup> . Mặc dù loài này không được chú ý trong các chuyến khảo sát trước, nơi đây không có vẻ là nơi có một quần thể đáng kể của loài.
†Choắt mỏ cong hông nâu <i>Numenius madagascariensis</i>	A1, A4i	NT	4	Các cá thể duy nhất được quan sát vào tháng 10/1997 và tháng 1/2000 <sup>5</sup> . Khu vực này không có vẻ là nơi có một quần thể đáng kể của loài.
Choắt chân màng lớn <i>Limnodromus semipalmatus</i>	A1	NT	5	Loài thường xuyên dừng chân trên đường di cư với số đếm cao nhất từng năm là 165 cá thể vào mùa đông 1993/1994, 181 mùa 1994/1995, 35 mùa 1995/1996, 20 mùa 1996/1997, 3 mùa 1997/1998, 2 mùa 1998/1999, 8 mùa 1999/2000 và 6 mùa 2000/2001 <sup>2,3,5</sup> .
†Quắm đầu đen <i>Threskiornis melanocephalus</i>	A1	NT	8	Một cá thể được quan sát vào tháng 8/2001 <sup>5</sup> . Khu vực này không có vẻ là nơi có một quần thể đáng kể của loài.
Giang sen <i>Mycteria leucocephala</i>	A1	NT	10	Đây là loài đến vùng trong mùa không sinh sản với số đếm từ 13 đến 30 cá thể mỗi năm <sup>2,5</sup> . Ghi nhận gần đây nhất là 17 cá thể vào tháng 12/2001 <sup>5</sup> .
Choắt mỏ thẳng đuôi đen <i>Limosa limosa</i>	A4i		1	Là loài trú đông thường xuyên với số lượng lớn, số đếm được cao nhất tính đến nay là khoảng 5.000 cá thể vào tháng 4/1996 <sup>3</sup> .
Choắt mỏ cong lớn <i>Numenius arquata</i>	A4i		1	Là loài trú đông thường xuyên, số đếm được cao nhất tính đến nay là 900 cá thể vào tháng 11/1997 <sup>9</sup> .
Choắt chân đỏ <i>Tringa erythropus</i>	A4i		2	Là loài trú đông thường xuyên với số lượng lớn, số đếm được cao nhất tính đến nay là khoảng 1.500 cá thể vào tháng 3/1988 <sup>1</sup> .
Choắt lùn đuôi xám <i>Heteroscelus brevipes</i>	A4i		0	Là loài dừng chân thường xuyên, số đếm được cao nhất tính đến nay là khoảng 1.000 cá thể vào tháng 5/1997 <sup>9</sup> .
Rẽ trán trắng <i>Calidris alpina</i>	A4i		0	Là loài trú đông thường xuyên với số lượng lớn, số đếm được cao nhất tính đến nay là khoảng 1.500 cá thể vào tháng 2/1995 <sup>9</sup> .

Ghi chú: † = chưa khẳng định thường xuyên phân bố với số lượng lớn.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này không đáp ứng tiêu chí A3. Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### **Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn**

Không có loài quan trọng về mặt bảo tồn nào khác được ghi nhận tại khu vực.

## Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Mối đe dọa lớn nhất đối với đa dạng sinh học tại Xuân Thủy là mất sinh cảnh. Việc trồng rừng ngập mặn đã diễn ra tại một số nơi trên các bãi bồi gian triều với mục đích cải tạo đất và bảo vệ bờ biển. Việc này sẽ làm thay đổi chất nền và đe dọa biến những khu vực đó trở thành không còn phù hợp cho các loài Cò thìa mặt đen, Mòng bể mỏ ngắn, Rẽ mỏ thìa và nhiều loài chim nước khác vốn có bãi kiếm ăn ưa thích là các bãi bồi gian triều<sup>10</sup>. Số lượng đếm được của các loài này giảm nhiều trong những năm gần đây phần nào phản ánh hậu quả của việc trồng rừng ngập mặn<sup>9</sup>. Ngoài ra, ở Côn Ngạn, việc thâm canh nuôi trồng thủy sản đã dẫn đến làm chết cây mầm, ngăn cản thảm thực vật tự nhiên phát triển và dẫn đến làm mất sinh cảnh trú chân cho hàng loạt các loài chim. Hơn thế nữa, các đảo cát nơi có thảm thực vật đụn cát và đầm ngập mặn đang bị trồng rừng bằng một loài ngoại lai là phi lao *Casuarina equisetifolia*<sup>11</sup>. Xuân Thủy đã từng một thời có những trảng cỏ thuộc loại lớn nhất ở Việt Nam nơi hàng năm có một số lượng lớn các loài ăn thịt di cư trú chân như Điều đầu trắng *Circus aeruginosus* và Điều khoang *C. melanoleucos*, cũng như các loài chim đầm lầy như Điều lửa *Ardea purpurea*. Tuy nhiên, các trảng cỏ này đã hoàn toàn biến mất do việc thâm canh nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản<sup>9</sup>.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Trồng rừng	• •
Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản	• •
Nhiều loạn các loài chim	• •
Săn bắn	•
Khai thác chọn gỗ củi	•

Trong đầu những năm 1990, săn bắn là mối đe dọa chính đối với các quần thể chim tại Xuân Thủy. Trong những năm 1990, Số lượng Ngỗng giới *Anser anser* và các loài vịt trú đông ở Xuân Thủy giảm một cách nhanh chóng<sup>9</sup>. Tuy nhiên, kể từ khi khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập, mức độ săn bắn đã giảm đi đáng kể. Đáng tiếc là nhiều vùng sinh cảnh rất quan trọng đối với các loài chim nước di cư lại nằm bên ngoài ranh giới của khu bảo tồn và các loài chim nước đang sử dụng các khu vực như vậy vẫn là đối tượng của hoạt động săn bắn. Trong số 12.000 ha của khu Ramsar, chỉ có 7.680 ha được đưa vào trong diện tích quản lý của khu bảo tồn. Một trong những mối đe dọa khác xuất phát từ dân số rất cao ở các khu vực xung quanh dẫn đến mức độ người dân vào bên trong khu bảo tồn khai thác các sản vật cũng rất cao. Các hoạt động như đánh bắt thủy sản hay khai thác nghêu sò ở các vùng gian triều cũng gián tiếp hay trực tiếp gây ảnh hưởng đến các loài đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu<sup>11</sup>. Một mối đe dọa nữa là số lượng chó nuôi quá lớn tại các ao nuôi trồng thủy sản cũng gây nhiễu loạn đến các loài chim<sup>10</sup>.

## Các hoạt động bảo tồn

- Năm 1988, Xuân Thủy được công nhận là khu Ramsar đầu tiên và đến nay vẫn là Khu Ramsar duy nhất của Việt Nam<sup>11</sup>.
- Chính phủ Việt Nam đã ra quyết định công nhận Xuân Thủy là Khu Bảo tồn Thiên nhiên vào năm 1994<sup>11</sup>.
- Xuân Thủy là một trong những điểm được lựa chọn để thực hiện một dự án của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) tập trung vào việc bảo tồn các vùng đất ngập nước ven biển hiện đang được Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường xây dựng<sup>11</sup>.
- Từ năm 2001, BirdLife International và Ban Quản lý Khu Bảo tồn đã tiến hành một dự án do Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Keidanren tài trợ nhằm thiết lập một chương trình giám sát sinh thái tại Xuân Thủy.

## Kiến nghị

- Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên cần được mở rộng để bao gồm hết các vùng sinh cảnh quan trọng đối với các loài chim nước như vùng bãi bồi gian triều ở phía tây nam Cồn Lu và các ao nuôi trồng thủy sản ở Cồn Ngạn.
- Không trồng thêm rừng ngập mặn lên các bãi bùn gian triều.
- Ban quản lý khu bảo tồn cần được giao thêm trách nhiệm quản lý các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trong vùng. Để đạt được như vậy, nên mở rộng ban quản lý bao gồm một số thành viên của phòng thủy sản huyện.
- Cần xây dựng một kế hoạch quản lý toàn diện cho khu bảo tồn để đảm bảo cân bằng giữa các giá trị về kinh tế, phòng hộ ven biển và bảo tồn đa dạng sinh học của các kiểu sinh cảnh khác nhau và khuyến khích các hoạt động phát triển bền vững về mặt môi trường.

## Tài liệu tham khảo

1. Scott, D. A. ed. (1989) *A directory of Asian wetlands*. Gland: IUCN.
2. Pedersen, A., Nielsen, S., Le Dinh Thuy and Le Trong Trai (1998) The status and conservation of threatened and near-threatened species of birds in the Red River Delta, Vietnam. *Bird Conservation International* 8: 31-51.
3. Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) *The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta*. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.
4. Hornbuckle, J. (1998) *Vietnam trip report 24 March to 14 April 1998*. Unpublished report posted on the WorldTwitch Website.
5. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
6. A. Allport *in litt.* 2002.
7. C. R. Robson *in litt.* 2002.
8. Birdlife International (2001) *Threatened birds of Asia: the Birdlife International Red Data Book*. Cambridge, UK: Birdlife International.
9. J. C. Eames personal observations.
10. Yu, Y. T. and Swennen, C. (2001) *Is mangrove afforestation destroying Black-faced Spoonbill habitat in the Red River Delta?* OBC Bulletin 33: 53-56.
11. BirdLife International and the Forest Inventory and Planning Institute (2001) *Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam*. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.



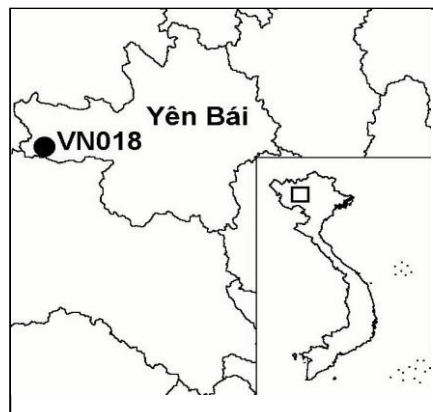
Rẽ mỏ thìa *Eurynorhynchus pygmeus*



## CHẾ TẠO

Tiêu chí: A1, A2 &amp; A3

**Tỉnh:** Yên Bái và Sơn La  
**Tình trạng bảo vệ:** Không  
**Vĩ độ:** 21°42'N  
**Kinh độ:** 104°02'E  
**Diện tích:** 16.000 ha  
**Độ cao:** 260-2.512 m so với mặt biển

**VCĐH / PVCĐH:**

VCTC Fan Si Pan và Bắc Lào

**Cảnh quan ưu tiên:**

Không

**Mô tả chung**

VCQT Chế Tạo nằm tại vùng núi Hoàng Liên ở miền bắc Việt Nam. Trung tâm của VCQT này là xã Chế Tạo, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái và các vùng rừng liên tục bên ngoài địa giới của xã này. Địa hình nổi bật của VCQT là các dãy núi hình móng ngựa bao xung quanh tạo thành ranh giới của xã Chế Tạo. Trong vòng cung này có nhiều ngọn cao đến 2.000 m so với mặt biển trong khi độ cao chung ở thung lũng trung tâm thấp hơn 1.500 m. Tuy phần lớn rừng ở các đai thấp đã bị phá làm nương, VCQT này vẫn còn những diện tích đáng kể rừng thường xanh trên núi cao và rừng thường xanh trên núi thấp. Hầu hết các diện tích rừng trong vùng đã bị xuống cấp do khai thác gỗ chọn, song ở những nơi tương đối xa xôi, rừng còn khá nguyên vẹn và hầu như không thấy dấu tích các hoạt động của con người<sup>1</sup>. Chế Tạo được cho là nơi có quần thể Vượn đen tuyền *Nomascus concolor* lớn nhất còn lại ở Việt Nam<sup>3</sup>.

**Khu hệ chim: Những nét chính**

Khu hệ chim của VCQT này không còn giữ được tính nguyên vẹn của một khu hệ chim núi. Các chuyến khảo sát đến nay đã ghi nhận được 107 loài chim ở Chế Tạo, tuy nhiên thông tin này chắc chắn vẫn chưa đầy đủ<sup>1</sup>. Khu hệ chim ở khu vực có rất nhiều nét tương đồng với các VCQT Fan Si Pan và Văn Bàn (VN057 và VN058)<sup>1</sup>. Chế Tạo là nơi duy nhất ở Việt Nam có ghi nhận chắc chắn về sự có mặt của loài Gà lôi tía *Tragopan temmincki* trong vòng 70 năm qua<sup>2</sup>. Các ghi nhận tại thực địa gần đây về sự có mặt của loài Niệc cổ hung *Aceros nipalensis* có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, do loài chim bị đe dọa trên toàn cầu này gần đây chỉ có ghi nhận tại một điểm khác ở Việt Nam là VCQT Pù Mát.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Niếc cổ hung <i>Aceros nipalensis</i>	A1, A3	VU	1	Đã có bốn lần ghi nhận sự có mặt của loài này ở vùng rừng thường xanh trên núi thấp, từ 1.200 đến 1.800m, vào tháng 4/2001 <sup>1</sup> . Ba lần chỉ ghi nhận một con trống, và một lần có lẽ là hai con trống <sup>1</sup> . Theo thông tin từ dân địa phương, quần thể của loài này có thể từ 28 đến 37 cá thể <sup>1</sup> .
Trèo cây mỏ vàng <i>Sitta solangiae</i>	A1, A2	NT	11	Một cá thể được quan sát ở vùng rừng thường xanh núi cao ở khoảng 2.100 m, vào tháng 12 và 10/2000 <sup>3</sup> .
Chích đớp ruồi mỏ rộng <i>Tickellia hodgsoni</i>	A2		2	Một cá thể được quan sát ở vùng rừng thường xanh núi cao ở khoảng 2.100 m, vào tháng 4/2001 <sup>1</sup> .

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do là nơi phân bố của 13 loài có vùng phân bố hạn chế trong Vùng Địa sinh học Rừng ôn đới Trung Quốc-Himalaya (Biome 07). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

**Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn**

Loài trạng	tình trạng	Loài	tình
Khỉ mốc <i>Macaca assamensis</i> <sup>4</sup>	VU	[Rùa đất Spengle <i>Geoemyda spengleri</i> ] <sup>3</sup>	EN
Khỉ vàng <i>M. mulatta</i> <sup>4</sup>	NT	[Rùa núi viên <i>Manouria impressa</i> ] <sup>1</sup>	VU
Vượn đen tuyền <i>Nomascus concolor</i> <sup>1,3</sup>	EN	Bách xanh <i>Calocedrus macrolepis</i> <sup>3</sup>	VU
[Khỉ mặt đỏ <i>Macaca arctoides</i> ] <sup>1</sup>	VU	Ơ mu <i>Fokienia hodginsii</i> <sup>1,3</sup>	NT
[Rùa đầu to <i>Platysternon megacephalum</i> ] <sup>1</sup>	EN	Sơn dương <i>Naemorhedus sumatraensis</i> <sup>3</sup>	VU

Ghi chú: [ ] = ghi nhận chưa có kiểm chứng.

**Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học**

Mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với tính đa dạng sinh học ở Chế Tạo là săn bắn, tuy nhiên, hoạt động này gần đây cũng có vẻ giảm đi sau khi có một số dự án bảo tồn trên cơ sở cộng đồng được thực hiện. Các mối đe dọa chính khác được xác định là mất sinh cảnh và sinh cảnh bị xuống cấp do phá rừng làm nương rẫy, khai thác chọn các loại cây gỗ và cháy rừng<sup>1</sup>. Các nguy cơ này có lẽ sẽ còn tăng nhiều hơn trong tương lai do kết quả của một số dự án phát triển cơ sở hạ tầng. Đầu tiên, hiện đang có kế hoạch làm một số con đường vào bên trong VCQT này và có thể sẽ tạo điều kiện cho việc khai thác các loài cây gỗ có giá trị cao tại các vùng xa xôi. Điều này sẽ đặc biệt gây nguy hại cho Niệc cổ hung, một loài chỉ làm tổ trên các thân cây lớn. Ngoài ra, kế hoạch xây dựng đập sông Đà có thể dẫn đến việc bố trí dân cư từ vùng ngập lũ vào các vùng rừng gần VCQT Chế Tạo ở phía tỉnh Sơn La và do vậy sẽ tạo thêm sức ép lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên của khu vực.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	• •
Cháy rừng	• •
Săn bắn	• • •
Phát triển cơ sở hạ tầng	• • •
Khai thác chọn các loài cây gỗ	• •

**Các hoạt động bảo tồn**

- Trong khuôn khổ dự án Bảo tồn trên cơ sở cộng đồng hệ sinh thái vùng núi Hoàng Liên Sơn, Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật Quốc tế (FFI) và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái hiện đang tiến hành một chương trình bảo tồn trên cơ sở cộng đồng tại Chế Tạo. Các hoạt động của chương trình này bao gồm việc thiết lập các nhóm bảo vệ rừng cộng đồng và xây dựng một khu bảo vệ mới. Năm 2003, FFI sẽ mở rộng lĩnh vực hoạt động của dự án ra thêm một số biện pháp xóa đói giảm nghèo tập trung vào việc quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng, cùng với việc phát triển khu bảo vệ và các biện pháp tiếp cận cảnh quan và cuối cùng là đề xuất để công nhận đây là một Khu Bảo tồn Sinh quyển và Nhân văn.

**Kiến nghị**

- Cần tiếp tục các biện pháp bảo tồn trên cơ sở cộng đồng đang được tiến hành, tăng cường và mở rộng các hoạt động này sang phần của VCQT ở phía tỉnh Sơn La.
- Chế Tạo cần được công nhận là một khu bảo tồn với phân hạng phù hợp, thiết lập một ban quản lý cho khu vực và tiến hành các hoạt động kiểm soát săn bắn động vật hoang dã, khai thác gỗ.
- Không tiến hành xây dựng thêm đường vào bên trong VCQT.
- Không bố trí dân cư từ vùng ngập sau khi xây dựng đập sông Đà vào các khu vực gần với VCQT.

**Tài liệu tham khảo**

1. Tordoff, A. W., Le Trong Dat and Hardcastle, J. (2001) *A rapid biodiversity survey of Che Tao commune, Mu Cang Chai district, Yen Bai province, Vietnam*. Unpublished report to the BirdLife International Vietnam Programme and the Fauna & Flora International Indochina Programme.
2. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.

3. Long, B., Tallents, L. and Tran Dinh Nghia (2000) *The biological diversity of Che Tao commune, Yen Bai province, Vietnam*. Unpublished report to the Fauna & Flora International Indochina Programme.
4. Fauna & Flora International Vietnam Programme (chưa xuất bản) *Kế hoạch đầu tư thành lập khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh Mù Căng Chải*. Hà Nội: Chương trình Fauna & Flora Việt Nam.



Niệc cổ hung *Aceros nipalensis*

## CÚC PHƯƠNG

Tiêu chí: A1, A2 &amp; A3

**Tỉnh:** Ninh Bình, Hòa Bình và Thanh Hóa  
**Tình trạng bảo vệ:** Vườn Quốc gia

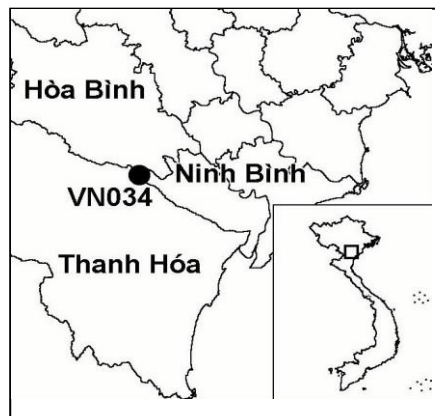
**Vĩ độ:** 20°19'N  
**Kinh độ:** 105°37'E  
**Diện tích:** 22.200 ha  
**Độ cao:** 50-648 m so với mặt biển

**VCDH / PVCDH:**

VCDH Đất thấp Trung bộ

**Cảnh quan ưu tiên:**

NA 1 - Vùng núi đá vôi bắc Đông Dương

**Một tả chung**

VCQT này gồm toàn bộ diện tích Vườn Quốc gia Cúc Phương nằm ở tận cùng phía nam của dãy đá vôi tây bắc Việt Nam và trong vùng đất thấp Trung Bộ. Nét đặc trưng địa hình của VCQT là một dãy castơ đá vôi rộng chạy theo hướng đông bắc - tây nam. Dãy núi đá vôi này bị xẻ thành hai bởi một thung lũng hẹp có địa hình tương đối bằng phẳng hơn. Thảm thực vật tự nhiên của VCQT ưu thế bởi rừng trên núi đá vôi, tuy nhiên ở toàn bộ các vùng ở rìa của VCQT, thảm thực vật tự nhiên đã không còn và được thay thế bằng các kiểu thảm thứ sinh chủ yếu là cây bụi. Khi vườn quốc gia mới được thành lập, có một số bản người dân tộc sống bên trong ranh giới của vườn, chủ yếu là dọc theo thung lũng trung tâm. Tất cả các thôn bản này hiện đã được di chuyển ra định cư tại cùng đệm<sup>1</sup>.

**Khu hệ chim: Những nét chính**

Mặc dù VCQT Cúc Phương nằm trong Vùng Chim Đặc hữu (VCDH) Đất thấp Trung Bộ, nhưng nơi đây chỉ có duy nhất một trong chín loài chim có vùng phân bố hẹp được xác định cho VCDH này là Khuướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui*<sup>2</sup>. Điều này có thể giải thích là do vị trí của VCQT nằm về tận cùng phía bắc của VCDH, quá ra bên ngoài vùng phân bố tự nhiên của các loài chim có vùng phân bố hẹp nói trên. Một trong những nhân tố khác có thể là do sức ép săn bắn trước đây và hiện nay tại VCQT khá cao đã dẫn đến sự tuyệt chủng cục bộ của một số loài chim. VCQT Cúc Phương là nơi phân bố của khá nhiều loài chim gần bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu như Gà so ngực gụ *Arborophila charltonii*, Gõ kiến xanh cổ đỏ *Picus rabieri* và Niệc nâu *Anorrhinus tickelli*. Tuy nhiên, mật độ của các loài này tại VCQT cũng có vẻ thấp hơn so với các khu vực khác của VCDH Đất thấp Trung Bộ. Có lẽ điểm đáng chú ý nhất về khu hệ chim tại VCQT Cúc Phương là có khá nhiều loài chim có vùng phân bố hạn chế trong một đơn vị địa sinh học, trong đó có một số loài chỉ có ghi nhận ở rất ít khu vực khác tại Việt Nam như Đuôi cụt nâu *Pitta phayrei*, Hoét ngực đen *Turdus dissimilis* và Khuướu đá hoa *Napothera crispifrons*<sup>2</sup>.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
†Đại bàng đầu nâu <i>Aquila heliaca</i>	A1	VU	2	Quan sát được một cá thể vào cuối tháng 12/1999 <sup>3</sup> . Loài này có lẽ rất hiếm khi di cư qua Cúc Phương. Đây chắc không phải là nơi thường xuyên có một quần thể đáng kể của loài.
Gà so ngực gụ <i>Arborophila charltonii</i>	A1	NT	7	Loài này được ghi nhận vào tháng 6/1997 và tháng 4/1999 <sup>4</sup> .
Gõ kiến xanh cổ đỏ <i>Picus rabieri</i>	A1, A3	NT	11	Quan sát được một cá thể vào tháng 4/1999 <sup>4</sup> .
Niếc nâu <i>Anorrhinus tickelli</i>	A1, A3	NT	16	Nghe thấy nhiều tiếng kêu của loài này vào tháng 3/1994 và một cá thể được quan sát vào tháng 5/1994. Loài này cũng được ghi nhận vào tháng 4/1999 <sup>4</sup> .

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Khướu mỏ dài <i>Jabouilleia danjoui</i>	A1, A2	NT	17	Ghi nhận được một cá thể vào tháng 2/1995 <sup>5</sup> .

Ghi chú: † = không khẳng định phân bố thường xuyên với số lượng lớn.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do có 29 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng á nhiệt đới Trung Quốc - Hymalaya (08) và 18 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Vùng Nhiệt đới khô Đông Dương (09). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Loài	Tình trạng	Loài	Tình trạng
Voọc mông trắng <i>Trachypithecus delacouri</i> <sup>1</sup>	EN	CR	Rùa
sa nhân <i>Pyxidea mouhotii</i> <sup>7</sup>	EN		

### Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Do có địa hình castơ đá vôi, việc phá rừng làm nương rẫy trong VCQT không nghiêm trọng. Tuy nhiên, sự xuống cấp sinh cảnh do việc khai thác gỗ và các lâm sản phụ một cách không bền vững của người dân địa phương vẫn là một trong những mối đe dọa chính đối với VCQT Cúc Phương. Có đến khoảng 50.000 dân sống trong vùng đệm của vườn quốc gia, hầu hết họ sống phụ thuộc các sản phẩm lấy từ rừng như gỗ, củi. Không chỉ làm sinh cảnh bị xuống cấp, việc khai thác lâm sản không bền vững cũng trực tiếp đe dọa sự tồn vong của các loài động thực vật rừng có giá trị kinh tế cao như các loài rùa. Bên cạnh việc khai thác trực tiếp sản phẩm rừng, một mối đe dọa khác đến tính đa dạng sinh học của VCQT Cúc Phương là phát triển du lịch không bền vững. Trong những năm gần đây, Cúc Phương đã trở thành một trong những điểm du lịch thu hút rất nhiều khách du lịch trong nước. Ngoài ảnh hưởng trực tiếp do số lượng du khách quá lớn thải ra lượng rác lớn, gây tiếng ồn quá mức và sưu tập động thực vật rừng, việc phát triển các cơ sở hạ tầng du lịch cũng đã gây ra rất nhiều ảnh hưởng bất lợi cho tính đa dạng sinh học của khu vực. Ví dụ, một hồ nước nhân tạo và bể bơi được xây dựng giữa vườn đã phá hủy một số diện tích sinh cảnh tự nhiên và làm thay đổi chế độ nước<sup>1</sup>.

Mối đe dọa quan trọng thứ ba đối với đa dạng sinh học ở VCQT Cúc Phương là việc làm đường Hồ Chí Minh xẻ đôi phần phía tây của VCQT. Việc làm đường này sẽ tạo điều kiện cho dân xâm nhập khai thác tài nguyên rừng và dẫn đến nguy cơ dân di cư vào sống bên trong VCQT.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	●
Săn bắn	● ●
Phát triển cơ sở hạ tầng	● ●
Du lịch/ giải trí	● ●
Khai thác chọn gỗ / củi	●
Khai thác không bền vững LSPG	● ●

### Các hoạt động bảo tồn

- Cúc Phương đã được Chính phủ Việt Nam chính thức công nhận là khu bảo vệ từ năm 1962<sup>1</sup>.
- Cúc Phương chính thức được nâng hạng thành vườn quốc gia từ năm 1966, và ban quản lý đã được thành lập trong thời gian này<sup>1</sup>.
- Cuối những năm 80 đầu 90, bảy lâm ở trong vùng lõi vườn quốc gia được di chuyển ra ngoài vùng đệm.
- Từ 1996 đến 2002, Tổ chức Bảo tồn Động thực vật Quốc tế (FFI) hợp tác với ban quản lý vườn quốc gia thực hiện dự án quản lý bảo tồn Cúc Phương, với mục tiêu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên trong vườn quốc gia<sup>1</sup>.
- Hội Động vật Frankfurt đã thành lập một trung tâm cứu hộ linh trưởng tại Cúc Phương, để nhận các loài linh trưởng bị thu giữ trong các vụ buôn bán trái phép tiên hành nghiên cứu sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt và điều trị thú y với linh trưởng<sup>1</sup>.
- Chương trình Phát triển Kinh tế CHLB Đức (DED) đã tiến hành hàng loạt các dự án nhỏ, nhằm đưa ra nhiều biện pháp tạo nguồn thu nhập thay thế ở vùng đệm của Vườn Quốc gia<sup>1</sup>.

- Trường Đại học Tổng hợp Illinois hiện đang thực hiện một dự án về cây thuốc ở Cúc Phương, dự án này bao gồm một số hoạt động bảo tồn, nghiên cứu và phát triển cộng đồng.
- Một dự án GEF cỡ vừa hiện đang tập trung vào vùng núi đá vôi Cúc Phương - Pù Luông. Dự án này do FFI, Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn xây dựng đã được chuẩn y và đang chờ thực hiện.

### **Kiến nghị**

- Cần tăng cường thực thi pháp luật và quy chế quản lý khu bảo vệ, đặc biệt là kiểm soát săn bắn, khai thác gỗ và lâm sản phi gỗ (LSPG).
- Việc phát triển du lịch cần được thực hiện theo hướng bền vững nhằm ngăn ngừa các tác động tiêu cực đến tính đa dạng sinh học của vườn và đảm bảo công tác bảo tồn đa dạng sinh học vẫn được coi là nhiệm vụ quản lý nguyên tắc của vườn quốc gia. Đặc biệt, không nên phát triển thêm bất cứ cơ sở hạ tầng du lịch nào bên trong vùng lõi của vườn.
- Cần duy trì và tăng cường các chương trình giáo dục bảo tồn hiện có ở vùng đệm.
- Cần thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng trên quy mô nhỏ ở vùng đệm của vườn quốc gia, đặc biệt là tại các huyện Yên Thủy và Lạc Sơn của tỉnh Hòa Bình nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của các cộng đồng địa phương vào tài nguyên thiên nhiên.
- Cần đưa vào thực hiện một hệ thống giám sát trong vườn quốc gia để giám sát sự thay đổi về sinh cảnh và về quần thể của các loài quan trọng và đang bị đe dọa.
- Trước khi xây dựng đường Hồ Chí Minh đi qua VCQT, cần tiến hành Đánh giá Tác động Môi trường và tiến hành các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, nhất là kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn dân di cư vào dọc bên đường mới và khai thác lâm sản.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Birdlife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất ở Việt Nam*. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.
2. Tordoff, A. W. (unpublished) The birds of Cuc Phuong National Park. Unpublished list of birds.
3. Robson, C. R. (2000) From the field. *OBC Bulletin* 31: 49-57.
4. Robson, C. R., Eames, J. C., Wolstencroft, J. A., Nguyen Cu and Truong Van La (1989) Recent records of birds from Vietnam. *Forktail* 5: 71-97.
5. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep.) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
6. Robson, C. R. (1995) From the field. *OBC Bulletin* 21: 68-73.
7. D. Hendrie *in litt.* 2002.

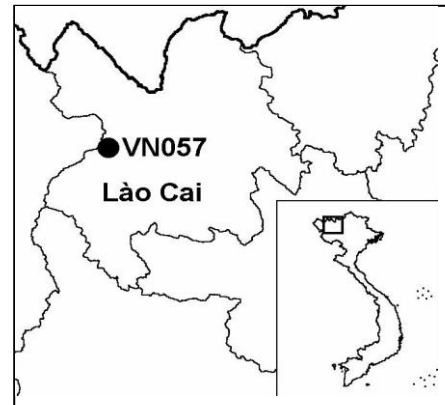


Gà so ngực gụ *Arborophila charltonii*

## FAN SI PAN

Tiêu chí: A1, A2 &amp; A3

**Tỉnh:** Lào Cai và Lai Châu  
**Tình trạng bảo vệ:** Vườn Quốc gia  
**Vĩ độ:** 22°16'N  
**Kinh độ:** 103°53'E  
**Diện tích:** 49.584 ha  
**Độ cao:** 380-3.143 m so với mặt biển

**VCDH / PVCĐH:**

PVCĐH Fan Si Pan và Bắc Lào

**Cảnh quan ưu tiên:**

Không

**Mô tả chung**

VCQT này có trung tâm là núi Fan Si Pan trên dãy Hoàng Liên, là đỉnh cao nhất Việt Nam với độ cao 3.143m so với mặt biển. VCQT bao gồm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên Sơn tỉnh Lào Cai và khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn - Lai Châu ở tỉnh Lai Châu. Nét địa hình nổi bật của VCQT là một dãy núi cao với nhiều đỉnh cao trên 2.800m. Sinh cảnh tự nhiên chủ yếu tại VCQT là rừng thường xanh trên núi thấp và rừng thường xanh trên núi cao. Ở các đai cao, trên đỉnh đông, có những vùng rừng thưa rộng lớn ưu thế bởi các loài cây lá kim và đỗ quyên *Rhododendron* spp. Ở các đai thấp hơn, thảm thực vật tự nhiên hầu như đã bị xóa sạch do hoạt động canh tác nương rẫy và cháy rừng, thảm thực vật tại các khu vực này đã bị thay thế bởi rừng tre nứa và trồng cây bụi thứ sinh. Hầu như không còn một chút rừng tự nhiên nào bên dưới độ cao 1.000m<sup>1,2</sup>.

**Khu hệ chim: Những nét chính**

Xét về độ phong phú, khu hệ chim của VCQT Fan Si Pan cao hơn bất cứ nơi nào khác tại Việt Nam. Có đến 347 loài chim đã được ghi nhận<sup>2</sup>, tuy nhiên, điều này có thể chỉ phần nào phản ánh nỗ lực khảo sát liên tục qua một thời gian dài tại khu vực. VCQT Fan Si Pan là nơi có số lượng các loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học cao nhất trong các VCQT của Việt Nam, trong đó có 17 loài gần đây không có ghi nhận ở bất cứ VCQT nào khác: Hoét hung *Turdus rubrocanus*, Hoét đuôi cụt bụng vàng *Brachypteryx stellata*, Oanh đuôi nhọn mày trắng *Tarsiger indicus*, Oanh mày xanh *Cinclidium frontale*, Chào mào mỏ lớn *Spizixos canifrons*, Chích dài hung *Phylloscopus pulcher*, Khướu họng vàng *Garrulax albogularis*, Khướu mặt đen *G. affinis*, Khướu mặt đỏ *Liocichla phoenicea*, Họa mi đất má trắng *Pomatorhinus erythrocnemis*, Khướu mỏ cổ trắng *Yuhina diademata*, Khướu mỏ dẹt Vân Nam *Paradoxornis alphonisianus*, Chim sâu bụng vàng *Dicaeum melanoxanthum*, Sẻ thông đầu đen *Carduelis ambigua*, Sẻ hồng Nepal *Carpodacus nipalensis*, Mỏ to lưng đỏ *Haematospiza sipahi* và Sẻ mỏ ngắn *Pyrrhula nipalensis*.

Cả bốn loài chim có vùng phân bố hẹp được xác định cho Phân vùng Chim Đặc hữu (PVCĐH) Fan Si Pan và bắc Lào đều được ghi nhận tại VCQT. Tuy nhiên, chỉ hai trong số này còn có ghi nhận chắc chắn trong thời gian gần đây: Chích đớp ruồi mỏ rộng *Tickellia hodginsi* và Khướu cánh đỏ *Garrulax formosus*<sup>2</sup>. Hai loài phân bố hẹp kia là Nuộc đuôi hồng *Harpactes wardi* và Trèo cây mỏ vàng *Sitta solangiae* đã không có ghi nhận nào tại VCQT kể từ 60 năm quan, và rất có thể các loài này đều đã tuyệt chủng tại VCQT do mất sinh cảnh ở các đai thấp và săn bắn<sup>3</sup>. VCQT Fan Si Pan là điểm duy nhất ở Việt Nam gần đây còn có ghi nhận chắc chắn về loài sắp nguy cấp trên toàn cầu là Rễ giun lớn *Gallinago nemoricola*. Ngoài ra, VCQT là một khu vực cổ chai trên tuyến đường di cư của một số loài chim ăn thịt. Chỉ hai tuần trong năm 1997, đã đếm được khoảng 2.000 lượt chim ăn thịt di cư qua một vị trí trong VCQT này<sup>4</sup>.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Rẽ giun lớn <i>Gallinago nemoricola</i>	A1	VU	0	Một cá thể được ghi nhận vào tháng 10/1997. Một cá thể được ghi nhận ở độ cao 1.700m vào tháng 11/1997. Ba cá thể lần lượt được quan sát ở vùng rừng trên núi cao tại độ cao 2.500 m vào tháng 2 và 3/1998 <sup>3</sup> .
†Đại bàng đen <i>Aquila clanga</i>	A1	VU	2	Quan sát được tổng cộng 15 cá thể bay qua vào tháng 10/1997, và một cá thể được quan sát vào tháng 11/1997 <sup>4</sup> . Khu vực này chắc không thường xuyên có một quần thể đáng kể của loài.
Trèo cây lưng đen <i>Sitta formosa</i>	A1, A3	VU	3	Loài này vài lần được ghi nhận trong các năm gần đây trong các vùng rừng thường xanh ở độ cao từ 1.400 đến 1.900m <sup>2,3</sup> .
†Thiên đường đuôi đen <i>Terpsiphone actrocaudata</i>	A1	NT	1	Một con trống với bộ lông trong mùa di cư được quan sát vào tháng 5/2000 <sup>3</sup> . Tuy nhiên, khu vực này không có vẻ thường xuyên có một quần thể đáng kể của loài.
Chích đớp ruồi mỏ rộng <i>Tickellia hodgsoni</i>	A2		2	Loài này vài lần được ghi nhận trong các năm gần đây trong các vùng rừng thường xanh núi cao ở độ cao từ 2.100 đến 2.400 m <sup>2,3</sup> .
Khướu cánh đỏ <i>Garrulax formosus</i>	A2		0	Loài này được ghi nhận ở vùng rừng thường xanh núi cao tại độ cao 2.650m vào tháng 12/1996 <sup>5</sup> .

Ghi chú: † = không khẳng định thường xuyên phân bố với số lượng đáng kể.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do có 39 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng ôn đới Trung Quốc - Hymalaya (07) và 69 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng á nhiệt đới Trung Quốc - Hymalaya (08). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Loài	Tình trạng	Loài	Tình trạng
[Cu li nhỏ <i>Nycticebus pygmaeus</i> ] <sup>2</sup>	VU	Dẻ tùng sọc trắng đẹp	
[Khi mốc <i>Macaca assamensis</i> ] <sup>2</sup>	VU	<i>Amentotaxus argotaenia</i> var. <i>argotaenia</i> <sup>6</sup>	VU
[Khi vàng <i>Macaca mulatta</i> ] <sup>2</sup>	NT	Dẻ tùng Vân Nam <i>Amentotaxus yunnanensis</i> <sup>6</sup>	VU
[Khi mặt đỏ <i>Macaca arctoides</i> ] <sup>2</sup>	VU	Sam hạt đỏ lá dài <i>Taxus wallichiana</i> <sup>6</sup>	DD
Vượn đen <i>Nomascus concolor</i> <sup>2</sup>	EN	Bách xanh <i>Calocedrus macrolepis</i> <sup>6</sup>	VU
Phơ-mu <i>Fokienia hodgsonii</i> <sup>2,6</sup>	NT	Sơn dương <i>Naemoredus sumtraensis</i> <sup>2,5</sup>	VU
Thông tre lá ngắn <i>Podocarpus neriifolius</i> <sup>6</sup>	DD		

Ghi chú: [ ] = ghi nhận chưa kiểm chứng.

### Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Các mối đe dọa chính đối với đa dạng sinh học tại VCQT Fan Si Pan là khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, phá rừng làm nương rẫy, cháy rừng và săn bắn. Việc phá rừng làm nương rẫy và cháy rừng là nguyên nhân chính dẫn đến mất sinh cảnh. Kiểu sinh cảnh bị đe dọa nặng nề nhất là rừng thường xanh trên núi thấp, hiện đã bị suy giảm rất nhiều về phạm vi. Các diện tích sinh cảnh thiên nhiên còn lại ở hầu khắp các độ cao đều đã và đang bị xuống cấp do khai thác chọn gỗ, củi và dọn rừng làm nương thảo quả<sup>2</sup>.

Một mối đe dọa chính khác đối với đa dạng sinh học là săn bắn cả để phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ cũng như đáp ứng thị trường động vật hoang dã. Sức ép săn bắn ở khắp VCQT đều rất nặng nề và đối tượng là hầu hết các loài thậm chí cả động vật có xương sống nhỏ. Có lẽ sức ép săn bắn cùng với việc mất rừng ở các đai thấp chính là nguyên nhân làm tuyệt chủng cục bộ đối với loài Niệc cổ hung *Aceros nipalensis*, một loài bị đe dọa trên toàn cầu đã từng phân bố tại khu vực<sup>2</sup>.



Cuối cùng, một mối đe dọa tiềm năng đối với tính đa dạng sinh học của VCQT là phát triển du lịch. Vị trí của VCQT rất gần thị trấn du lịch nổi tiếng Sa Pa, từ đây, người ta tổ chức nhiều chuyến lên đỉnh Fan Si Pan. Việc này nếu không được kiểm soát sẽ gây nhiều loạn môi trường tự nhiên và làm tăng nguy cơ cháy rừng. Ngoài ra, hiện có một kế hoạch làm đường lên đỉnh Fan Si Pan, điều này sẽ làm tăng mức độ mất sinh cảnh và tạo điều kiện cho dân chặt gỗ và săn bắn trộm xâm nhập khu vực.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	• •
Cháy rừng	• • •
Chăn thả gia súc trong rừng	•
Săn bắn	• • •
Phát triển cơ sở hạ tầng	• •
Du lịch / giải trí	• •
Khai thác chọn gỗ / củi	• •

### **Các hoạt động bảo tồn**

- Chính phủ Việt Nam đã chính thức thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên Sơn, tỉnh Lào Cai vào năm 1986, và sau đó, ban quản lý khu này đã được thành lập<sup>1</sup>.
- Vào tháng 7/2002, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên Sơn và các vùng rừng tiếp giáp ở huyện Than Uyên được nâng cấp thành Vườn Quốc gia.
- Một kế hoạch đầu tư thành lập khu bảo tồn tại các vùng rừng liền kề phía bên tỉnh Lai Châu đã được xây dựng năm 2000, tuy nhiên, đến nay kế hoạch này vẫn chưa được phê duyệt ở cả cấp tỉnh và cấp bộ<sup>1</sup>.
- Năm 1998, Frontier - Việt Nam đã tiến hành một chương trình giáo dục môi trường tại huyện Sa Pa, tập trung vào khu vực VCQT<sup>1</sup>.
- Huyện Sa Pa là một trong những điểm được lựa chọn trong nghiên cứu của IUCN có tên *Dự án Xây dựng năng lực để thực hiện các hoạt động du lịch bền vững*<sup>1</sup>.
- Frontier - Việt Nam hiện đang tiến hành một dự án thử nghiệm nhằm đánh giá khả năng trồng cây thuốc như một nguồn thu nhập thay thế cho các hộ gia đình sống bên trong VCQT<sup>1</sup>.
- Với nguồn vốn từ Quỹ Phát triển Châu Á, Forest Herbs Research Ltd., Frontier - Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai đang xây dựng *Dự án Đổi mới Cây thuốc*, sẽ được tiến hành trong hai năm từ tháng 12/2002.

### **Kiến nghị**

- Tăng cường thực thi quy chế vườn quốc gia, đặc biệt là để kiểm soát săn bắn và phá rừng làm nương rẫy.
- Cần tăng cường năng lực cho các cán bộ vườn quốc gia về lĩnh vực quy hoạch quản lý bảo tồn và quản lý khu bảo vệ<sup>3</sup>.
- Cần thực hiện một chương trình giáo dục và tuyên truyền để nâng cao nhận thức về nguy cơ cháy rừng và trình diễn những biện pháp thực tế để giảm thiểu mối đe dọa này<sup>3</sup>.
- Ranh giới của vườn quốc gia cần được điều chỉnh để đưa ra ngoài các diện tích đất nông nghiệp, thổ cư và đưa thêm vào các diện tích sinh cảnh tự nhiên ở phía bắc của vườn<sup>3</sup>.
- Cần mở rộng các biện pháp lâm nghiệp xã hội để lôi kéo sự tham gia của các cộng đồng vào công tác quản lý bảo vệ và tái sinh rừng tự nhiên, đặc biệt tập trung vào vùng rừng thường xanh trên núi thấp, kiểu sinh cảnh hiện đang bị đe dọa nặng nề nhất tại VCQT<sup>3</sup>.
- Các kế hoạch xây dựng đường lên đỉnh Fan Si Pan rất không phù hợp với công tác bảo tồn đa dạng sinh học và vi phạm trực tiếp các quy chế về quản lý vườn quốc gia và do đó cần phải hủy bỏ.
- Trong khung cảnh khu bảo tồn mới được nâng cấp thành Vườn Quốc gia Hoàng Liên Sơn và số lượng du khách đến khu vực sẽ tăng lên nhanh chóng, cần có những biện pháp để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững để giảm thiểu những tác động có hại về mặt môi trường và cung cấp những nguồn thu nhập thay thế cho các cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên của VCQT.
- Cần thẩm định và phê chuẩn kế hoạch đầu tư cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên Sơn - Lai Châu, và ban quản lý cần được thành lập.

**Tài liệu tham khảo**

1. Birdlife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách Thông tin về các Khu Đặc dụng Hiện có và Đề xuất tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.
2. Tordoff, A. W., Swan, S. R., Grindley, M. and Siurua, H. (1999) *Hoang Lien Nature Reserve: biodiversity survey and conservation evaluation 1997/1998*. London: Society for Environmental Exploration.
3. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep.) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
4. Tordoff, A. W. (2002) Raptor migration at Hoang Lien Nature Reserve, Vietnam. *Forktail* 18: 35-39.
5. Korzun, L. P. and Kalyakin, M. V. (1998) [*Materials of zoological and botanical studies in Fan Si Pan summit area (North Vietnam)*]. Moscow and Hanoi: Vietnam-Russia Tropical Centre. (In Russian.)
6. Nguyễn Nghĩa Thìn và Nguyễn Thị Thời (1998) *Tính đa dạng hệ thực vật núi cao Sa Pa - Fan Si Pan*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Tổng hợp Hà Nội.



Rẽ giun lớn *Gallinago nemoricola*

## VĂN BẢN

Tiêu chuẩn A1, A2 &amp; A3

**Tỉnh:** Lào Cai  
**Tỉnh trưởng bảo vệ:** Không  
**Vĩ độ:** 22°03'N  
**Kinh độ:** 104°11'E  
**Diện tích:** 60.000 ha  
**Độ cao:** 200-2.913 m so với mặt biển

**VCĐH / PVCĐH:**  
 PVCĐH Fan Si Pan và bắc Lào  
**Chức quan quản lý:**  
 Không

**Mô tả chung**

VCQT này nằm giữa VCQT Fan Si Pan và VCQT Chế Tạo trên dãy Hoàng Liên Sơn. Tuy ranh giới của VCQT chưa được xác định chính xác, nhưng nó được xác định là khoảng 60.000 ha bao gồm các diện tích rừng tốt trên dãy Hoàng Liên Sơn của huyện Văn Bàn. Sinh cảnh chủ yếu tại VCQT là rừng thừng xanh đất thấp, rừng thừng xanh núi thấp, rừng thừng xanh núi cao và các sinh cảnh nhân tạo (thứ sinh). Rừng thừng xanh đất thấp phân bố ở độ cao tuyệt đối từ 300 đến 900m. Tuy kiểu rừng này đã bị xuống cấp nặng nề, nhưng tán rừng vẫn khép kín ở hầu hết các diện tích còn lại của kiểu rừng này. Rừng thừng xanh núi thấp phân bố ở độ cao từ 900 đến 1.800m và đặc trưng bởi sự xuất hiện của một số loài cây lá kim, trong đó có Thông nang *Dacrycarpus imbricatus* và Sơ-mu *Fokienia hodginsii*. Rừng thừng xanh núi cao phân bố ở độ cao trên 1.800m, đặc trưng bởi sự xuất hiện của các loài Đỗ quyên *Rhododendron* spp. Các sinh cảnh nhân tạo hiện diện ở mọi độ cao bao gồm cả các nương rẫy thừng xuyên và du canh, và nhiều vùng đất canh tác cũ hoặc các vùng đã từng bị cháy rừng hiện đã hình thành trảng cỏ hoặc trảng cây bụi thứ sinh<sup>1</sup>.

**Khu học chim: Nhện núi chim**

Các quần xã chim ở VCQT Văn Bàn mang đặc trưng của kiểu rừng thừng xanh vùng núi miền Bắc Việt Nam. Quần xã chim của kiểu rừng thừng xanh núi cao đặc trưng bởi sự xuất hiện của các loài Chích đớp ruồi mặt đen *Abroscopus schisticeps*, Kh-óu vằn gáy xanh *Actinodura souliei*, Kh-óu lùn đuôi hung *Minla strigula*, Kh-óu lùn đuôi đỏ *M. ignotincta*, Lách tách ngực vàng *Alcippe chrysotis*, Lách tách đầu đỏ *A. castaneiceps* và Kh-óu mỏ họng đỏ *Yuhina gularis*. Quần xã chim của kiểu rừng thừng xanh núi thấp có thành phần loài khá khác biệt với quần xã của kiểu rừng thừng xanh núi cao và đặc trưng bởi sự xuất hiện của các loài Gà tiền mặt vàng *Polyplectron bicalcaratum*, Nước bụng đỏ *Harpactes erythrocephalus*, Chích đớp ruồi mặt hung *Abroscopus albogularis*, Kh-óu xám *Garrulax maesi*, Kh-óu lùn cánh xanh *Minla cyanouroptera*, Lách tách má xám *Alcippe morrisonia* và Kh-óu mỏ dẹt đầu xám *Paradoxornis gularis*.

VCQT Văn Bàn là nơi có số lượng loài chỉ giới hạn phân bố trong một vùng địa sinh học lớn thứ hai trong các VCQT của Việt Nam, trong đó có hai loài gần đây không có ghi nhận ở bất kỳ một VCQT nào khác trong nước là Hoét đuôi dài *Hodgsonius phaenicuroides* và Kh-óu cằm hung *Garrulax rufogularis*. Ngoài ra, đây còn là nơi có một quần thể đáng kể của loài sắp nguy cấp trên toàn cầu Trèo cây l-ng đen *Sitta formosa* và hai trong số bốn loài có vùng phân bố hẹp được xác định cho Phân vùng Chim Đặc hữu (PVCĐH) Fan Si Pan và bắc Lào là trèo cây mỏ vàng *S. solangiae* Chích đớp ruồi mỏ rộng *Tickellia hodgsoni*.

Loài	Tiêu chuẩn VCQT	Tỉnh trưởng	VCQT khu vực	Ghi chú
Trèo cây l-ng đen <i>Sitta formosa</i>	A1, A3	VU	3	Trong các năm 2001 và 2002, nhiều lần quan sát được từng cá thể ăn trong đàn lẫn với các loài khác ở vùng rừng thừng xanh tại độ cao 1.050 đến 2.350m <sup>1,2</sup> .
Trèo cây mỏ vàng <i>Sitta solangiae</i>	A1, A2	NT	11	Trong các chuyến điều tra vào năm 2001 và 2002, một vài cá thể đã được quan sát ở vùng rừng thừng xanh núi thấp tại độ cao 1.050 đến 1.400m <sup>1</sup> .
Chích đớp ruồi mỏ rộng <i>Tickellia hodgsoni</i>	A2		2	Loài này được ghi nhận hai lần ở độ cao 2000m vào tháng 10/2000 <sup>2</sup> .

**Loài chỉ phân bố trong môi trường sống sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do có 20 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng ôn đới Trung Quốc - Himalaya (07) và 58 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng á nhiệt đới Trung Quốc - Himalaya (08). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### Các loài khác đang quan tâm bảo tồn

Loài	Tình trạng	Loài	Tình trạng
Khỉ mốc <i>Macaca assamensis</i> <sup>3</sup>	VU	[Rùa núi viên <i>Manouria impressa</i> ] <sup>4</sup>	VU
[Khỉ vàng <i>M. mulatta</i> ] <sup>3</sup>	DD	Ba ba tron <i>Pelodiscus sinensis</i> <sup>4</sup>	VU
Khỉ mặt đỏ <i>M. arctoides</i> <sup>3</sup>	VU	Pơ-mu <i>Fokienia hodginsii</i> <sup>1,3,5,6</sup>	NT
V- ợn đen tuyền <i>Nomascus concolor</i> <sup>3</sup>	EN	<i>Amentotaxus argotaenia</i> <sup>7</sup>	VU
[Rùa đầu to <i>Platysternon megacephalum</i> ] <sup>4</sup>	EN	<i>Taiwania cryptomerioides</i> <sup>5,6,7</sup>	VU
Rùa đất Spengle <i>Geoemyda spengleri</i> <sup>4</sup>	EN	Sơn d- ơng <i>Naemorhedus sumatraensis</i> <sup>3</sup>	VU
[Rùa sa nhân <i>Pyxidea mouhotii</i> ] <sup>4</sup>	EN		

Ghi chú: [ ] = ghi nhận ch- a đ- ọc kiểm chứng.

### Các mối đe dọa và vấn đề sinh học

Mối đe dọa chính đối với tính đa dạng sinh học của khu vực là sinh cảnh bị xuống cấp do khai thác chọn các loài cây gỗ, đáng chú ý nhất là Pơ-mu *Fokienia hodginsii*. Gần đây, Chính phủ Việt Nam đã quyết định cho khai thác tận dụng 20.000 m<sup>3</sup> Pơ-mu từ núi Hoàng Liên. Mặc dù quyết định này cũng chỉ đ- ọc phép khai thác các cây chết, nh- ng trên thực tế, việc thực thi đúng điều kiện này khó có thể thực hiện đ- ọc. Hầu hết diện tích của VCQT hiện nay đang thuộc sự quản lý của các lâm tr- ờng và do đó tồn tại một mối đe dọa tiềm ẩn rất nghiêm trọng là các vùng rừng nguyên sinh từ tr- ớc đến nay mới chỉ bị ng- ời dân địa ph- ơng khai thác chọn trên quy mô nhỏ có thể sẽ trở thành đối t- ợng cho các hoạt động khai thác th- ơng phẩm.

Các mối đe dọa chủ yếu khác bao gồm phá rừng làm n- ơng rẫy và kèm theo đó là cháy rừng, và săn bắn. Hoạt động săn bắn đe dọa hầu hết các loài thú lớn đang phân bố trong VCQT và đặc biệt nghiêm trọng đối với quần thể còn lại của loài V- ợn đen tuyền *Nomascus concolor*.

Mối đe dọa	Đánh giá mức độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	•
Khai thác th- ơng phẩm	• •
Cháy rừng	• •
Chăn thả gia súc trong rừng	•
Săn bắn	• •
Khai thác chọn gỗ củi	• •

### Các hoạt động bảo tồn

- Trong khuôn khổ dự án Bảo tồn trên cơ sở cộng đồng hệ sinh thái vùng núi Hoàng Liên Sơn, Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật Quốc tế (FFI) và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lào Cai hiện đang tiến hành một ch- ơng trình bảo tồn trên cơ sở cộng đồng tại VCQT Văn Bàn. Các hoạt động của ch- ơng trình này bao gồm các điều tra về sinh học và sinh thái nhân văn, các hoạt động bảo vệ rừng cộng đồng, nâng cao nhận thức môi tr- ờng và xúc tiến việc thành lập một khu bảo vệ mới. Năm 2003, FFI sẽ mở rộng lĩnh vực hoạt động của dự án ra thêm một số biện pháp xóa đói giảm nghèo tập trung vào việc quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng, cùng với việc phát triển khu bảo vệ và các biện pháp tiếp cận cảnh quan và cuối cùng là đề xuất để công nhận đây là một Khu Bảo tồn Sinh quyển và Nhân văn.

### Kiểm ngh

- Cần đánh giá khả thi và nếu phù hợp, nên công nhận VCQT Văn Bàn là khu bảo tồn thiên nhiên và thành lập ngay một ban quản lý cho khu vực.
- Cần tăng c- ờng thực thi các quy chế quản lý rừng, đặc biệt là để kiểm soát săn bắn và khai thác gỗ bất hợp pháp kết hợp với các hoạt động nâng cao nhận thức môi tr- ờng trong các cộng đồng địa ph- ơng để chống lại việc buôn bán động vật hoang dã.
- Công tác quản lý rừng tại VCQT cần tập trung vào các diện tích rừng còn lại, đặc biệt là tại các đai d- ới 900m<sup>1</sup>. Để đạt đ- ọc điều này, tất cả các hình thức khai thác gỗ th- ơng phẩm đều cần đ- ọc nghiêm cấm tại VCQT và phải có biện pháp kiểm soát chặt chẽ việc phá rừng lấy đất canh tác.
- Cần khởi động một ch- ơng trình phòng chống cháy rừng trên cơ sở cộng đồng bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức, các nhóm phòng cháy ở thôn bản.
- Cần có thêm các điều tra chi tiết để đánh giá hiện trạng và phân bố, đồng thời đánh giá nhu cầu sinh cảnh của các loài quan trọng tại khu vực nh- Trèo cây l- ơng đen, Núi đuôi hồng *Harpactes wardi* và Kh- ấu cánh đỏ *Garrulax formosus* làm cơ sở để tập trung các nỗ lực bảo tồn và định h- ớng cho hoạt động bảo vệ rừng<sup>1</sup>.

**Tài liệu tham khảo**

1. Tordoff, A. W., Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Quảng Tr-ờng và Swan, S.R. (2002) *Điều tra nhanh đa dạng sinh học huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, Việt Nam*. Báo cáo của Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
2. S. R. Swan *in litt.* 2002.
3. Long, B., Le Khắc Quyet and Phung Van Khoa (2000) *An assessment of the potential and priorities for conservation in Van Ban district, Lao Cai province*. Unpublished report to the Fauna & Flora International Indochina Programme.
4. Nguyen Quang Truong (2002) *Report on the herpetological survey in Van Ban district, Lao Cai province*. Unpublished report to the Fauna & Flora International Vietnam Programme.
5. Nguyen Tien Hiep, Do Tien Doan and Phan Ke Loc (2002) The diversity of the flora of Vietnam 9. *Taiwania* Hayata and *T. cryptomerioides* Hayata (Taxodiaceae): new genus and species for the flora. *Journal of Genetics and Applications* 1(2002): 32-40.
6. Farjon, A. (2002) *Rare and possibly threatened conifers in Vietnam*. Unpublished report to the Fauna & Flora International Vietnam Programme.
7. Averyanov, L., Phan Ke Loc and Do Tien Doan (2002) *Flora and vegetation survey of Van Ban district, Lao Cai province of northern Vietnam*. Unpublished report to the Fauna & Flora International Vietnam Programme.